

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS - PT

Ngày: 16 - 02 - 2023

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Trần Văn San.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiên Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS - ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2022/QĐ - PT ngày 14/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐ-PT ngày 28/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐ-PT ngày 17/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 6, ngách 4 ngõ 1 đường N, phường Đ, quận M, thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền số 37 ngày 27/4/2022); vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. NLQ1; vắng mặt.

3.2. NLQ2, sinh năm 1932; địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.3. NLQ3, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.4. NLQ4, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.5. NLQ5, sinh năm 2009; địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. Người đại diện hợp pháp của NLQ5: bà Ngô Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.6. NLQ6, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn 5, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.7. NLQ7, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn 5, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 17/10/2015 đến ngày 09/8/2016, ông Trần Xuân Giỏi đã vay tiền của bà Vũ Thị H 10 lần được thể hiện tại 10 giấy biên nhận với tổng số tiền gốc là 830.000.000 đồng. Giấy vay tiền do ông Giỏi viết tay, có chữ ký nhận, không thỏa thuận về ngày trả, thời điểm trả phụ thuộc vào yêu cầu của bên cho vay. Bà H thường gọi điện hoặc gặp trực tiếp ông Giỏi để thông báo và hạn trả. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng. Từ năm 2017, bà H nhiều lần đòi ông Giỏi trả số nợ trên. Sau nhiều ngày khất lần, đến năm 2018, ông Giỏi đã trả cho bà H 05 lần với tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Ngoài ra ông Giỏi đã trả 06 lần tiền lãi với số tiền 70.000.000 đồng, mỗi lần trả tiền ông Giỏi đều ghi giấy nhận tiền trả. Về phía bà H, khi ký bà đều ghi rõ số tiền được trả bằng chữ, là gốc hay lãi và ký, ghi rõ họ tên. Như vậy ông Giỏi còn nợ bà H số tiền gốc là 630.000.000 đồng và tiền lãi là 1%/tháng, từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2022 là 63 tháng trên nợ gốc 630.000.000 đồng là 396.900.000 đồng, tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.026.900.000 đồng.

Bà H nhiều lần yêu cầu ông Giỏi trả tiền nhưng ông Giỏi không trả. Ngày 03/12/2019, bà H làm đơn tố giác gửi cơ quan Công an tỉnh Hà Nam. Quá trình giải quyết, ông Giỏi thừa nhận toàn bộ việc vay tiền và các giấy nhận tiền ông Giỏi đã ghi, đã ký và cho rằng mình đã trả hết nợ gốc, lãi chứng minh bằng 02 giấy trả tiền, trong đó 01 giấy ghi ông Giỏi trả bà H 400.000.000 đồng vào ngày 30/10/2018, 01 giấy ông Giỏi trả 500.000.000 đồng vào ngày 14/11/2018. Bà H xác định, từ trước tới nay, bà chưa từng nhận số tiền hay bất cứ tài sản nào tương ứng với giá trị 400.000.000 đồng, 500.000.000 đồng và cũng chưa từng ký tên vào bất kỳ văn bản không có nội dung, giấy tờ trống nào giao cho người khác. Vì vậy 02 giấy trả tiền trên là giả mạo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã làm thủ tục giám định chữ ký, chữ viết của ông Giỏi. Vụ việc

đang giải quyết thì ngày 30/4/2021 ông Giỏi bị điện giật chết. Ngày 16/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự với lý do: “Căn cứ tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định Giỏi có thực hiện hành vi phạm tội hay không, ngày 30/4/2021 Trần Xuân Giỏi tử vong do điện giật”. Sau đó bà H đã nhiều lần đến nhà bà Ngô Thị H1 là vợ ông Giỏi để đòi tiền nhưng bà H1 trốn tránh, không chịu gặp.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2022 và Đơn đề nghị bổ sung thông tin đơn khởi kiện, bà H đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết với nội dung: Yêu cầu Trần Xuân Giỏi phải trả cho bà H 630.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 1%/tháng, thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2022 là 63 tháng trên nợ gốc 630.000.000 đồng = 396.900.000 đồng, tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.026.900.000 đồng. Buộc những người thừa kế của Trần Xuân Giỏi phải trả toàn bộ số nợ trong phạm vi di sản mà Trần Xuân Giỏi để lại là nhà ở và quyền sử dụng thửa đất số 346, tờ bản đồ số PL26, diện tích 152m²; địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam và 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS 90B1 - 43921.

* Bị đơn bà Ngô Thị H1: Quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến của mình bằng văn bản, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà H1 nhiều lần đến Tòa án để làm việc nhưng bà H1 không chấp hành, Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà bà H1 để làm việc nhưng bà H1 đều từ chối và trốn tránh.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 đều không thể hiện quan điểm, từ chối làm việc, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

NLQ3 có quan điểm: Bố anh là ông Giỏi chết do bị điện giật ngày 30/4/2021, không để lại di chúc. Anh không biết gì về việc bố anh vay tiền của bà H. Lúc còn sống anh không thấy bố anh nói vay tiền của bà H. Ông Giỏi có tài sản gì anh không biết. Nhà xây năm 2017 là anh làm ăn ở Miền Nam gửi tiền về để bố mẹ anh làm, số tiền bao nhiêu anh không nhớ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, anh không có quan điểm. Quá trình giải quyết vụ án, anh đều cho rằng không biết, không liên quan gì đến vụ việc vay mượn giữa bố anh với bà H và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

* NLQ1 có quan điểm: Theo bản đồ địa chính lập năm 1995 của UBND xã quản lý tại vị trí thửa đất hộ ông Trần Xuân Giỏi (đã chết) và vợ là bà Ngô Thị H1 sử dụng thuộc tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng ghi trên bản đồ hồ sơ quản lý là nương (gồm lòng nương và bờ nương), hệ thống nương trên có tên kênh C17A. Qua xác minh thông tin và làm việc với bà Ngô Thị H1 xác định gia đình bà đã lấn chiếm lòng nương, bờ nương kênh C17A để làm nhà ở từ khoảng

năm 1996, sử dụng cho đến nay. Khoảng năm 2014, gia đình bà tiến hành tu sửa nhà và xây dựng thêm trên diện tích đất trên. Năm 2010 thực hiện dự án đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã B, thửa đất của hộ ông Trần Xuân Giỏi và vợ là bà Ngô Thị H1 thuộc thửa đất số 346 tờ bản đồ số PL26, diện tích 152m². Căn cứ vào hồ sơ quản lý của UBND xã, diện tích hộ Trần Xuân Giỏi và vợ là bà Ngô Thị H1 đang sử dụng có nguồn gốc thuộc đất thủy lợi, chưa được xử lý hợp pháp hóa hoặc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp trên vị trí trên và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do diện tích đất trên hiện chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất hợp pháp cho hộ ông Trần Xuân Giỏi, vì vậy quyền sử dụng thửa đất trên không phải là di sản hợp pháp của người chết để lại trong vụ án này.

NLQ1 cung cấp biên bản làm việc ngày 28/7/2022 giữa Cán bộ địa chính xã B cùng ông Trưởng thôn 3 với bà Ngô Thị H1, nội dung biên bản thể hiện việc bà H1 xác định: Khoảng năm 1996, hộ bà H1 có ra vị trí đang ở để xây nhà, hiện trạng lúc đó đang là bờ máng với lòng máng, sử dụng đến năm 2014 gia đình xây lại nhà 3 tầng trên diện tích đất trên. Về giấy tờ gia đình không còn lưu giữ được gì. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất này gia đình bà đã bán cho NLQ6, NLQ7. NLQ1 giao nộp bản phô tô Giấy biên nhận vay tiền ngày 11/9/2021, thể hiện gia đình bà Ngô Thị H1, NLQ3, NLQ4 có vay tiền của Ngân hàng, nay đã đến hạn trả nhưng do chồng bà mất đột ngột nên mẹ con bà không thể có điều kiện để trả ngân hàng, gia đình bà có vay số tiền 614.876.712 đồng của NLQ7 và NLQ6 để trả ngân hàng. Gia đình bà cam kết sau khi mượn số tiền trên để trả ngân hàng sẽ nhượng lại ngôi nhà trên diện tích đất 189m² trong đó có 135m² nhà 3 tầng cho NLQ7, NLQ6.

* Tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam cung cấp, ông Giỏi xác định: Từ năm 2015 đến năm 2018, ông đã nhiều lần vay tiền của bà Vũ Thị H, sinh năm 1954; trú tại xóm 4, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam với tổng số tiền 1.030.000.000 đồng, ông không bàn bạc trao đổi với ai, khi vay chỉ có ông và bà H biết, ngoài ra không có ai khác biết, chứng kiến. Ông xác định 10 giấy vay tiền là bản phô tô mà bà H giao nộp cho Cơ quan điều tra là chữ viết của ông, bà H giữ bản gốc thể hiện các lần ông đã vay tiền của bà Vũ Thị H. Trong năm 2018, ông đã nhiều lần trả cho bà H tổng cộng số tiền gốc là 1.030.000.000 đồng, cụ thể các lần ông trả như sau: Ngày 17/11/2017, ông trả 50 triệu đồng; ngày 20/01/2018, ông trả 50 triệu đồng; ngày 17/9/2018, ông trả 30 triệu đồng; ngày 30/10/2018, ông trả 400 triệu đồng; ngày 14/11/2018, ông trả 500 triệu đồng. Tất cả những lần trả tiền cho bà H, ông đều viết giấy biên nhận trả tiền gốc thể hiện nội dung ngày tháng năm trả tiền và số tiền trả như trên, có chữ ký xác nhận của bà Vũ Thị H là người nhận tiền và có chữ ký của

ông là người trả tiền. 05 tờ giấy trả tiền cho bà H, ông Giỏi đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Ông xác định các lần vay tiền giữa ông và bà H có thỏa thuận tính lãi suất 2000 đồng/01triệu/01ngày, ông và bà H thỏa thuận miệng, không thể hiện vào trong nội dung tài liệu nào; tiền trả lãi hàng tháng, có tháng ông chưa có tiền thì khoảng 02 tháng trả lãi, nếu không đủ tiền trả lãi thì bà H yêu cầu viết giấy vay thêm số tiền ông chậm lãi, còn thời hạn trả gốc ông và bà H thống nhất miệng với nhau khi nào có ông trả gốc, không xác định thời gian cụ thể. Ông xác định số tiền vay của bà H từ năm 2014 đến năm 2016 để sử dụng vào việc đầu tư mua máy móc, phục vụ cho việc kinh doanh làm xay sát gạo, ông thuê địa điểm của Công ty Minh Thu tại xóm 6, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để làm nơi xay sát; tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên đến tháng 11/2015 ông đã dừng hoạt động. Đến cuối năm 2017, đầu năm 2018 ông đã bán máy xay sát để lấy tiền trả cho bà H.

Căn cứ vào Đơn đề nghị Tòa án ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của anh Nguyễn Trường T, Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số PL26, diện tích 152m² theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã B năm 2010, tên người sử dụng đất ông Trần Văn Giỏi (Trần Xuân Giỏi) tại địa chỉ thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; tài sản trên đất và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA BKS 90B1-43921. Do đương sự cản trở nên không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá. Quan điểm của Hội đồng định giá: không có căn cứ để định giá các tài sản và đất, việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra giá, Hội đồng định giá không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra giá, cụ thể: toàn bộ công trình xây dựng trên đất trị giá 01 tỷ đồng; cây cối không yêu cầu định giá; trị giá đất 15.000.000đ/m² x 152m² = 2.280.000.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA BKS 90B1-43921 trị giá 20.000.000 đồng, tổng cộng là 3.300.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập, thông báo hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn bà Ngô Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NLQ2, NLQ3, NLQ4, đại diện hợp pháp cho NLQ5, NLQ6, NLQ7 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Trường T đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc bà Ngô Thị H1 phải có trách nhiệm trả cho bà H ½ khoản nợ là 513.450.000 đồng, vì anh T xác định mục đích ông Trần Xuân Giỏi vay 830 triệu đồng của bà Vũ Thị H là để xây nhà trên thửa đất số 346, tờ bản đồ PL26 mà hiện nay bà Ngô Thị H1 và các con ông Giỏi đang sinh sống, bà H1 đang là người trực tiếp quản lý nên anh đề nghị đối với khoản nợ gốc 630.000.000 đồng và tiền lãi 396.900.000 đồng, tổng số tiền

cả gốc và lãi 1.026.900.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng ông Giỏi, bà H1 nên bà H1 phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ, còn lại $\frac{1}{2}$ khoản nợ thì buộc những người thừa kế của ông Giỏi gồm bà Ngô Thị H1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Vũ Thị H trong phạm vi di sản mà ông Giỏi để lại.

Từ những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, các Điều 35, 39; 147, 155, 156, 157, 158, 163, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 611, 612, 613, 614, 615, 651, 658 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” với khoản tiền ông Trần Xuân Giỏi nợ bà là 630.000.000 đồng.

2. Di sản của ông Trần Xuân Giỏi để lại trị giá là 505.000.000 đồng trong khối tài sản chung của vợ chồng do bà Ngô Thị H1 (vợ ông Giỏi) trực tiếp quản lý và sử dụng, sau khi đã trừ các khoản (chi phí hợp lý cho việc mai táng ông Giỏi là 25 triệu đồng; chi phí cho việc cải táng, xây mồ mả ông Giỏi là 50.000.000 đồng; tiền trợ cấp đối với NLQ2 là 70 triệu đồng; tiền trợ cấp cho NLQ4 là 126.000.000 đồng; tiền trợ cấp cho NLQ5 là 106.000.000 đồng; chi phí tố tụng là 11.650.000 đồng) thì di sản của ông Giỏi còn lại trị giá là 116.350.000 đồng. Giao cho bà Ngô Thị H1 (vợ ông Giỏi) quản lý và sử dụng di sản của ông Trần Xuân Giỏi để lại. Bà H1 có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) số tiền 116.350.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm hoàn trả lại bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) số tiền 11.650.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H1 phải nộp 3.490.500 đồng. Miễn án phí cho NLQ2, NLQ5, bà Vũ Thị H.

5. Không chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tính lãi suất và buộc bà Ngô Thị H1 phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị H $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 513.450.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và các vấn đề khác cho các đương sự.

Ngày 14/10/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Trường T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 29

tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: (1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi trên số tiền gốc 630.000.000 đồng kể từ tháng 1/2017 (do ông Giới chỉ trả lãi đến hết tháng 12 năm 2016) đến tháng 3/2022 (là thời điểm bà H nộp Đơn khởi kiện) là 396.900.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.026.900.000 đồng, tuyên bố đây là khoản nợ chung của ông Trần Xuân Giới và bà Ngô Thị H1 trong thời kỳ hôn nhân. Bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị H số tiền 513.450.000 đồng. (2) Di sản của ông Trần Xuân Giới để lại trị giá 507.500.000 đồng trong khối tài sản chung của vợ chồng do bà Ngô Thị H1 trực tiếp quản lý và sử dụng. Giao cho bà H1 quản lý và sử dụng di sản của ông Trần Xuân Giới để lại. Bà H1 có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) số tiền 507.500.000 đồng. (3) Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H1 phải nộp 44.840.000 đồng.

Ngày 23/12/2022, anh Nguyễn Trường T có văn bản giải trình của nguyên đơn về các yêu cầu nêu trong đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí các khoản tiền bản án sơ thẩm đã đối trừ gồm chi phí cho việc cải táng, xây mộ mà ông Giới 50.000.000 đồng; tiền trợ cấp đối với NLQ2 70.000.000 đồng; tiền trợ cấp cho NLQ4 126.000.000 đồng; tiền trợ cấp cho NLQ5 106.000.000 đồng; chi phí tố tụng 11.650.000 đồng; giá trị chiếc xe mô tô Honda BKS 90B1-43921 phải là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam; về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H là người cao tuổi được miễn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Trường T trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo và nội dung văn bản giải trình của nguyên đơn về các yêu cầu nêu trong đơn kháng cáo ngày 23/12/2022 của anh Nguyễn Trường T:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn tính lãi trên số tiền gốc 630.000.000 đồng kể từ tháng 1/2017 (do ông Giỏi trả lãi đến hết tháng 12 năm 2016) đến tháng 3/2022 (là thời điểm bà H nộp Đơn khởi kiện) là 396.900.000 đồng, thấy rằng:

Căn cứ 10 tờ giấy biên nhận tiền do ông Trần Xuân Giỏi viết, có chữ ký nhận của bà H và các tài liệu của Cơ quan Công an thu giữ và kết quả giám định có đủ cơ sở xác định ông Giỏi còn nợ bà Vũ Thị H tổng số tiền gốc là 630.000.000 triệu đồng. Trên các giấy vay tiền giữa ông Giỏi và bà H không ghi lãi suất nhưng thực tế ông Giỏi đã thừa nhận hai bên cho vay có thỏa thuận về việc tính lãi (nội dung này được thể hiện tại biên bản lấy lời khai tại Công an tỉnh Hà Nam) nên phía nguyên đơn đề nghị tính lãi 1%/tháng trên số tiền gốc 630.000.000 đồng còn nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, yêu cầu tính lãi từ tháng 01/2017 đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (tháng 3/2022) là chưa phù hợp vì ngày 30/4/2021 ông Giỏi chết. Do đó, HĐXX chỉ chấp nhận tính lãi 1%/tháng trên số nợ gốc 630.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2017 đến ngày 30/4/2021, cụ thể $6.300.000\text{đ}/\text{tháng} \times 52 \text{ tháng} = 327.600.000 \text{ đồng}$. Với phân tích nêu trên thì ông Giỏi phải trả cho bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) 630.000.000 đồng tiền gốc và 327.600.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 957.600.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu xác định số tiền ông Giỏi còn nợ bà H là nợ chung của ông Giỏi, bà H1:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền ông Giỏi vay bà H là để xây nhà mà hiện nay bà Ngô Thị H1 cùng các con ông Giỏi đang sinh sống và bà H1 đang là người trực tiếp quản lý tài sản. Tại Cơ quan Công an, ông Giỏi khai mục đích vay tiền của bà H là để kinh doanh nhưng bị thua lỗ nên ông bán hết máy móc trả tiền cho bà H. Ngoài lời khai của ông Giỏi không có tài liệu chứng cứ khác để xác định mục đích khoản vay này để sử dụng chung giữa ông Giỏi và bà H1. Việc vay mượn không có ai chứng kiến, chỉ có ông Giỏi và bà H biết. Phía bà H1 xác định không biết gì về việc vay mượn tiền giữa ông Giỏi và bà H. NLQ3 cũng xác định: Anh không biết gì về việc bố anh vay tiền của bà H. Lúc còn sống anh không thấy bố anh nói vay tiền của bà H. Ông Giỏi có tài sản gì anh không biết. Nhà xây năm 2017 là anh làm ăn ở Miền Nam gửi tiền về để bố mẹ anh làm nhà, số tiền bao nhiêu anh không nhớ. Tại 10 tờ giấy vay tiền chỉ có chữ ký của ông Giỏi. Tại phiên tòa sơ thẩm, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình có thỏa thuận khác và tài liệu chứng cứ gì thêm nên không có căn cứ xác định số tiền ông Giỏi vay bà H là khoản nợ chung của vợ chồng ông Giỏi, bà H1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ riêng của ông Giỏi là phù hợp. Tuy nhiên, do

ông Giỏi đã chết nên những người thừa kế của ông Giỏi phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H trong phạm vi phần di sản thừa kế do ông Giỏi để lại. Nên nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Về xác định di sản của ông Trần Xuân Giỏi: Căn cứ đề nghị của nguyên đơn và được xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Giỏi có một ngôi nhà ba tầng trên diện tích đất 152m² tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số PL26 theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã B năm 2010, tên người sử dụng đất ông Trần Văn Giỏi (Trần Xuân Giỏi) tại địa chỉ thôn 3, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA BKS 90B1- 43921. Do đương sự cản trở nên không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá được các tài sản trên. Quan điểm của Hội đồng định giá: không có căn cứ để định giá các tài sản và đất. Phía nguyên đơn đưa ra giá, Hội đồng định giá không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra giá, cụ thể: toàn bộ công trình xây dựng trên đất trị giá 01 tỷ đồng; cây cối không yêu cầu định giá; trị giá đất $15.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 152\text{m}^2 = 2.280.000.000$ đồng; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA BKS 90B1-43921 trị giá 20.000.000 đồng, tổng cộng là 3.300.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận tài sản chung của vợ chồng ông Giỏi là ngôi nhà ba tầng trị giá 01 tỷ đồng và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA BKS 90B1- 43921 trị giá 10.000.000 đồng; tổng cộng giá trị tài sản là 1.010.000.000 đồng. Căn cứ quy định pháp luật, ông Giỏi có $\frac{1}{2}$ giá trị đối với tài sản này là 505.000.000 đồng và bà H1 đang quản lý toàn bộ số tài sản. Xác định di sản của ông Giỏi để lại chưa được chia thì người quản lý di sản và người thừa kế của ông Giỏi có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của ông Giỏi để lại. Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn và người liên quan không nhận văn bản tố tụng nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn và người liên quan cũng không kháng cáo nên cần giữ nguyên như quyết định cấp sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 658 Bộ luật dân sự quy định thứ tự ưu tiên thanh toán đã trừ các khoản chi phí hợp lý cho việc mai táng và xây mồ mả cho ông Giỏi theo mức giá tại địa phương là 75.000.000 đồng; tiền trợ cấp đối với NLQ2 70.000.000 đồng; tiền trợ cấp cho NLQ5 106.000.000 đồng, tổng cộng các khoản = 251.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm trừ khoản tiền 11.650.000 đồng chi phí tố tụng và khoản tiền 126.000.000 đồng trợ cấp cho NLQ4, sinh năm 2002 hiện đang học Đại học Y năm thứ hai để giảm trừ phần di sản của ông Giỏi là chưa phù hợp quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự. Do đó, xác định số tiền sau khi trừ các nghĩa vụ phải thanh toán thì di sản của ông Giỏi còn lại là:

$505.000.000đ - (75.000.000đ + 70.000.000đ + 106.000.000đ) = 254.000.000đ.$

Theo quy định tại Điều 644, 651, 658 Bộ luật dân sự, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Giỏi có 05 người, gồm NLQ2 (mẹ đẻ ông Giỏi), bà Ngô Thị H1, NLQ3, NLQ4, NLQ5 (do bà H1 là người đại diện hợp pháp) phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế do ông Giỏi để lại sau khi trừ đi các khoản là 254.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả 1/5 số tiền là $254.000.000 \text{ đồng} : 5 = 50.800.000 \text{ đồng}$. Giao cho bà H1 trực tiếp quản lý và sử dụng di sản nên bà H1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 254.000.000 đồng cho bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện).

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm hoàn trả lại bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) số tiền 11.650.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H1, NLQ4, NLQ3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả cho bà H mỗi người là: $50.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.540.000 \text{ đồng}$. Vì bà Ngô Thị H1 là người quản lý và sử dụng di sản của ông Giỏi nên bà phải nộp toàn bộ án phí $2.540.000đ \times 3 = 7.620.000đ$. Miễn án phí cho NLQ2 và NLQ5 theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) không phải chịu.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Trường T; sửa Bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Căn cứ khoản 14 Điều 26, các Điều 35, 39; 147, 155, 156, 157, 158, 163, 165, 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 611, 612, 613, 614, 615, 644, 651, 658 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” với khoản tiền gốc ông Trần Xuân Giỏi nợ bà H là 630.000.000 đồng và tiền lãi là 327.600.000 đồng, tổng cộng = 957.600.000 đồng.

2. Di sản của ông Trần Xuân Giỏi để lại trị giá là 505.000.000 đồng trong khối tài sản chung của vợ chồng do bà Ngô Thị H1 (vợ ông Giỏi) trực tiếp quản lý và sử dụng, sau khi đã trừ các khoản (chi phí hợp lý cho việc mai táng, xây mồ mả cho ông Giỏi là 75 triệu đồng; tiền trợ cấp đối với NLQ2 là 70 triệu đồng; tiền trợ cấp cho NLQ5 là 106.000.000 đồng) thì di sản của ông Giỏi còn lại trị giá là 254.000.000 đồng. Giao cho bà Ngô Thị H1 (vợ ông Giỏi) quản lý và sử dụng di sản của ông Trần Xuân Giỏi để lại. Bà H1 có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) số tiền 254.000.000 đồng.

3. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm hoàn trả lại bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) số tiền 11.650.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H1 phải nộp 7.620.000 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H (do anh Nguyễn Trường T là người đại diện) không phải nộp.

7. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Thị Mai Hương

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai Hương

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, ông Giỏi xác định, năm 2018 ông đã trả hết số tiền vay cho bà Huệ thể hiện tại 05 tờ giấy trả tiền (ông đã giao nộp bản gốc tại Cơ quan điều tra), tổng cộng số tiền gốc là 1.030.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 17/11/2017, trả 50 triệu đồng; ngày 20/01/2018, trả 50 triệu đồng; ngày 17/9/2018, trả 30 triệu đồng; ngày 30/10/2018, trả 400 triệu đồng; ngày 14/11/2018, trả 500 triệu đồng. Tuy nhiên bà Huệ xác định ông Giỏi chỉ mới trả được 200 triệu đồng tiền gốc, 70 triệu đồng tiền lãi và cho rằng 02 tờ giấy trả tiền ngày 30/10/2018, ghi ông Giỏi trả 400 triệu đồng; ngày 14/11/2018, ghi ông Giỏi trả 500 triệu đồng là giả mạo.

Tại Kết luận giám định số: 07/PC09-TL ngày 09/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam thì 01 “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” đề ngày 30/10/2018 và 01 “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” đề ngày 14/11/2018, “Vũ Thị Huệ” tại mục “Người nhận tiền” so với chữ viết của Vũ Thị Huệ là do cùng một người viết ra. Như vậy xác định 02 tờ giấy trả tiền gồm ngày 30/10/2018, ghi ông Giỏi trả 400 triệu đồng; ngày 14/11/2018, ghi ông Giỏi trả 500 triệu đồng tại mục người nhận tiền là đúng chữ viết của bà Huệ. Tuy nhiên tiếp tục giám định 02 tờ giấy trả tiền “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” ngày 30/10/2018 (ký hiệu A1); “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” ngày 14/11/2018 (ký hiệu A2), thì tại Kết luận giám định số: 3828/C09-P5 ngày 06/8/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Các chữ viết tại dòng chữ viết từ thứ 1 đến thứ 20 tính từ trên xuống (trừ các chữ “người Nhận tiền” tại dòng chữ viết thứ 20) là các chữ được viết thêm so với chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Huệ” và tại Văn bản số 1676/C09-P5 ngày 03/9/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an về việc giải thích kết luận giám định xác định “Các chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 20 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ “người Nhận tiền” có đặc điểm giống nhau cơ bản, đủ cơ sở kết luận được viết sau so với chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Huệ”. Đồng thời tại Kết luận giám định số 6481/C09-P4 ngày 06/11/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận “Tại dòng 19 tính từ trên xuống trên bề mặt “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” ngày 30/10/2018 (ký hiệu A1) và “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” ngày 14/11/2018 (ký hiệu A2) gửi giám định ở một số vị trí đều có mảnh giấy khác dán lên; đều có tìm thấy Polyvinyl alcohol. Polyvinyl alcohol là thành phần có trong keo dán giấy”.

Từ các Kết luận giám định trên có đủ cơ sở khẳng định, tại 02 tờ giấy trả tiền “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” ngày 30/10/2018 và “Giấy Biên nhận Chả Tiền gốc” ngày 14/11/2018, từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 20 tính từ trên xuống là toàn bộ nội dung ông Giỏi ghi trả tiền bà Huệ không đúng sự thật khách quan, không có giá trị trong việc khẳng định ông Giỏi đã thanh toán số tiền được ghi trong 02 giấy trên nên không được tính là số tiền ông Giỏi trả bà Huệ.

Căn cứ trên 10 tờ giấy biên nhận tiền do ông Trần Xuân Giỏi viết, có chữ ký nhận mà bà Huệ giao nộp, xác định ông Giỏi vay của bà Vũ Thị Huệ tổng số tiền 830.000.000 đồng. Bà Huệ xác định ông Giỏi đã trả cho bà số tiền gốc là 200.000.000 đồng và trả 06 lần tiền lãi là 70.000.000 đồng, ông Giỏi còn nợ bà Huệ tiền gốc là 630.000.000 triệu đồng.